

Số: 04/QĐ-CTĐ6

Ba Tơ, ngày 13 tháng 6 năm 2026

QUY ĐỊNH

Thang điểm và cách chấm điểm thi đua Cụm thi đua số 6 năm 2026

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tổ chức cụm, khối thi đua thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-HĐTĐKT ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Ngãi về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua đối với của cụm, khối thi đua thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế hoạt động của Cụm thi đua số 6; sau khi thảo luận, Cụm thi đua số 6 thống nhất quy định rõ hơn về việc chấm điểm thi đua năm 2026, cụ thể như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tổng số điểm chấm thi đua là **1.000 điểm**; trong đó điểm thực hiện 3 nội dung là **950 điểm** (*Nội dung I = 650 điểm; Nội dung II = 150 điểm; Nội dung III = 150 điểm*). **Điểm thưởng tối đa là 50** (*Nội dung I = 40 điểm; Nội dung II = 0 điểm; Nội dung III = 10 điểm*). Trừ điểm nếu vi phạm các quy định của tỉnh, của Cụm thi đua và chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết và Kế hoạch đã đăng ký.

2. Các căn cứ để chấm điểm: Các chỉ tiêu được giao trong Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo... của HĐND, UBND tỉnh và theo ngành lĩnh vực giao; Nghị quyết HĐND xã. Những nội dung khác, các địa phương căn cứ vào kết quả thực hiện của địa phương để đánh giá theo thang điểm tương ứng.

Để việc đánh giá, chấm điểm mang tính khách quan, thuyết phục, yêu cầu các đơn vị trong báo cáo tổng kết công tác thi đua hằng năm phải nêu rõ chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua trong năm và báo cáo thuyết minh kết quả chấm điểm để minh chứng cho bảng chấm điểm.

3. Thời gian đăng ký, báo cáo kết quả thi đua, kết quả tự chấm điểm thi đua gửi về Cụm trưởng Cụm thi đua số 6, như sau:

- Đăng ký thi đua năm 2026: Trước ngày **15 tháng 6 năm 2026**.
- Báo cáo sơ kết thi đua năm 2026: **trước ngày 15 tháng 6 năm 2026**.
- Báo cáo tổng kết và thuyết minh kết quả chấm điểm kèm theo bảng tự chấm điểm thi đua năm 2026: **Trước ngày 05 tháng 11 năm 2026**.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

NỘI DUNG I: Các tiêu chí thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (*điểm chuẩn 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm*)

1. Chỉ tiêu về kinh tế (160 điểm)

1.1. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn (100 điểm) (so với chỉ tiêu giao)

Đạt 100% kế hoạch được **100 điểm**; từ 90% đến dưới 100% kế hoạch được **90 điểm**; từ 60% đến dưới 90% kế hoạch được **60 điểm**; dưới 60% được **0 điểm**.

1.2. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (50 điểm) (so với chỉ tiêu giao)

Đạt 100% kế hoạch được **50 điểm**; từ 90% đến dưới 100% kế hoạch được **40 điểm**; từ 60% đến dưới 90% kế hoạch được **30 điểm**; dưới 60% được **0 điểm**.

Điểm thưởng: Nếu thực hiện vượt 01% kế hoạch thì được thưởng 01 điểm, nhưng tổng điểm thưởng không quá 10 điểm.

1.3. Thu nhập bình quân đầu người (30 điểm) (so với chỉ tiêu giao)

Đạt 100% kế hoạch được **30 điểm**; từ 90% đến dưới 100% kế hoạch được **20 điểm**; từ 60% đến dưới 90% kế hoạch được **10 điểm**; dưới 60% được **0 điểm**.

Điểm thưởng: Nếu thực hiện vượt 01% kế hoạch thì được thưởng 01 điểm, nhưng tổng điểm thưởng không quá **06 điểm**.

2. Chỉ tiêu về văn hóa – xã hội (160 điểm)

2.1. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm (30 điểm)

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (**15 điểm**): Nếu đạt 100% kế hoạch thì được 15 điểm; không đạt: **0 điểm**.

- Số lao động có việc làm tăng thêm (**15 điểm**): Nếu tăng thêm từ 10 lao động trở lên thì chấm 15 điểm; nếu tăng thêm từ 05 lao động đến dưới 10 lao động thì chấm 10 điểm; nếu tăng thêm từ 01 lao động đến dưới 05 lao động thì chấm 05 điểm; không tăng thêm thì chấm 0 điểm.

2.2. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều (30 điểm)

Đạt 100% kế hoạch được **30 điểm**; từ 90% đến dưới 100% kế hoạch được **20 điểm**; từ 60% đến dưới 90% kế hoạch được **10 điểm**; dưới 60% được **0 điểm**.

Điểm thưởng: Nếu thực hiện vượt tỷ lệ so với kế hoạch giao thì được thưởng **05 điểm**.

2.3. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia (30 điểm)

Đạt 100% kế hoạch được **30 điểm**; từ 60% đến 99% được **20 điểm**; từ 60% đến 79% được **10 điểm**; dưới 60% được **5 điểm**.

2.4. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (30 điểm)

Đạt 100% kế hoạch được **30 điểm**; từ 90% đến 99% được **20 điểm**; từ 60%

đến 69% được **10 điểm**; dưới 60% được **5 điểm**.

2.5. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa (30 điểm)

Đạt 100% kế hoạch được **30 điểm**; từ 90% đến 99% được **20 điểm**; từ 60% đến 69% được **10 điểm**; dưới 60% được **5 điểm**.

2.6. Tiêu chí về xây dựng nông thôn mới (30 điểm)

Trong năm đạt thêm từ 02 tiêu chí trở lên so với năm trước liền kề được **30 điểm**; đạt thêm 01 tiêu chí được **20 điểm**. Giữ nguyên được **10 điểm**.

3. Chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường (60 điểm)

3.1. Tỷ lệ che phủ rừng (20 điểm)

Đạt 100% kế hoạch giao hoặc trong năm không để xảy ra cháy rừng được **20 điểm**; còn lại **0 điểm**.

3.2. Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh (20 điểm)

Đạt 100% kế hoạch giao được **20 điểm**; còn lại **0 điểm**.

3.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý (20 điểm)

Đạt 100% kế hoạch giao được **20 điểm**; còn lại **0 điểm**.

4. Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội (110 điểm)

4.1. Công tác tuyển quân, giao quân nghĩa vụ quân sự (30 điểm)

Đạt 100% được **30 điểm**; từ 90% đến 99% được **20 điểm**; dưới 90% chấm **0 điểm**.

4.2. Xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” (50 điểm)

Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” chấm **50 điểm**; không đạt chấm **0 điểm**.

4.3. Công tác bảo đảm an toàn giao thông (30 điểm) (Cách tính điểm đối với số vụ, số người chết, số người bị thương so với năm trước: Nếu không tăng, không giảm = điểm chuẩn, nếu tăng thì lấy điểm chuẩn trừ 03 điểm, nếu giảm lấy điểm chuẩn cộng 03 điểm)

- *Số vụ tai nạn giao thông tại địa phương so với năm trước (10 điểm)*: Nếu giảm chấm **10 điểm** và được cộng điểm thưởng **03 điểm**; nếu không tăng, không giảm chấm **10 điểm**; nếu tăng **07 điểm**)

- *Số người chết do tai nạn giao thông tại địa phương so với năm trước (10 điểm)*: Nếu giảm chấm **10 điểm** và được cộng điểm thưởng **03 điểm**; nếu không tăng, không giảm chấm **10 điểm**; nếu tăng **07 điểm**)

- *Số người bị thương do tai nạn giao thông tại địa phương so với năm trước (10 điểm)*: Nếu giảm chấm **10 điểm** và được cộng điểm thưởng **03 điểm**; nếu không tăng, không giảm chấm **10 điểm**; nếu tăng **07 điểm**).

5. Công tác giải ngân (60 điểm)

Đạt 100% kế hoạch, nhiệm vụ được **60 điểm**; đạt từ 90% đến dưới 100% kế hoạch, nhiệm vụ được **50 điểm**; đạt từ 60% đến dưới 90% kế hoạch, nhiệm vụ được **40 điểm**; đạt từ 70% đến dưới 60% kế hoạch, nhiệm vụ được **30 điểm**; còn lại **0 điểm**.

6. Kết quả Chỉ số Cải cách hành chính (30 điểm)

Xếp loại Hoàn thành xuất sắc **30 điểm**; Xếp loại Hoàn thành tốt **20 điểm**; Xếp loại Hoàn thành: **0 điểm**.

Điểm thưởng: Nếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc thì được thưởng **05 điểm**.

7. Kết quả Chuyển đổi số (30 điểm)

Xếp loại Tốt **30 điểm**; Xếp loại Khá **20 điểm**; Xếp loại trung bình: **0 điểm**.

Điểm thưởng: Nếu xếp loại Tốt thì được thưởng **05 điểm**.

NỘI DUNG II: Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị (điểm chuẩn 150 điểm)

1. Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai, thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước (20 điểm)

Có văn bản tổ chức học tập, triển khai quán triệt kịp thời các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có văn bản và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Quy định, Quyết định, Kết luận do Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Thực hiện tốt được **20 điểm**; khá được **15 điểm**; trung bình được **05 điểm**.

2. Tổ chức triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (20 điểm)

Có văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện; có mô hình, cách làm đem lại hiệu quả; có biểu dương, khen thưởng điển hình tiên tiến: Thực hiện tốt được **20 điểm**; khá được **15 điểm**; trung bình được **05 điểm**.

3. Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; kỷ luật kỷ cương hành chính; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương; chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (25 điểm)

Thực hiện tốt được **25 điểm**; khá được **15 điểm**; trung bình được **05 điểm**.

Điểm trừ: Cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì trừ **05 điểm/01 trường hợp**; có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý hình sự, tùy theo tính chất, mức độ, khối, cụm thi đua xem xét trừ **10 điểm/01 trường hợp** hoặc không bình xét đề nghị khen thưởng.

4. Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (10 điểm)

Có văn bản thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương; xử lý kịp thời, đúng

quy định các phản ánh, tố cáo tham nhũng: Thực hiện tốt được **10 điểm**; khá được **05 điểm**; trung bình được **02 điểm**.

5. Kết quả xếp loại Đảng bộ xã (50 điểm)

Xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **50 điểm**; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: **30 điểm**; Hoàn thành nhiệm vụ: **0 điểm**.

6. Kết quả xếp loại tổ chức đoàn thể, gồm: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc (25 điểm)

Mỗi tổ chức đoàn thể được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được **05 điểm**; mỗi tổ chức đoàn thể được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ được **03 điểm**; Mỗi tổ chức đoàn thể được xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ **0 điểm**.

NỘI DUNG III: Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng (Điểm chuẩn 150 điểm, điểm thưởng 10 điểm)

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng (05 điểm)

Thực hiện tốt: **05 điểm**; khá: **03 điểm**; trung bình: **01 điểm**.

2. Ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương (Quy chế Thi đua, khen thưởng; Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng; Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng; Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến...) (30 điểm)

Triển khai, ban hành đầy đủ, có hiệu quả: **30 điểm**; nếu triển khai, ban hành cứ thiếu 01 văn bản thì trừ **02 điểm**.

3. Tổ chức, triển khai thực hiện các phong trào thi đua (40 điểm)

3.1. Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp phát động (25 điểm)

Triển khai đầy đủ, có hiệu quả: **25 điểm**; Triển khai cứ thiếu 01 phong trào thì trừ **05 điểm**.

3.2. Phát động, triển khai các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề của cơ quan, đơn vị, địa phương. Mỗi phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt phải có (15 điểm):

- Có Kế hoạch, tên gọi, nội dung, chủ đề và tiêu chí thi đua: **03 điểm/phong trào**;

- Có báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá, xét khen thưởng kịp thời, có mô hình hay, cách làm hiệu quả **02 điểm/phong trào**;

Mỗi phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề có đủ các tiêu chí nêu trên được

05 điểm; điểm tối đa cho các phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt là **15 điểm**.

4. Công tác phát hiện, xây dựng và bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả (15 điểm)

4.1. Có kế hoạch, giải pháp, biện pháp trong việc phát hiện, xây dựng và bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả: **05 điểm**. Có điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả được tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của địa phương, phương tiện truyền thông của tỉnh, Trung ương: **05 điểm**.

Điểm thưởng: Thưởng **05 điểm** cho cơ quan, đơn vị, địa phương có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; có nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả trong các phong trào thi đua.

4.2. Có giới thiệu điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua – Khen thưởng): **05 điểm**.

5. Công tác khen thưởng (40 điểm)

5.1. *Gửi hồ sơ khen thưởng (10 điểm):* Đảm bảo thời gian theo quy định **10 điểm**. Hồ sơ gửi trễ hạn, cứ mỗi lần trừ **02 điểm**.

5.2. *Hồ sơ được duyệt (20 điểm):* Có 100% hồ sơ đề nghị khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên được duyệt: **20 điểm**. Cứ có 01 hồ sơ đề nghị khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên bị trả lại thì trừ **02 điểm**.

5.3. *Tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh trở lên cho công chức, viên chức, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) so với tổng số cá nhân được cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng (10 điểm)*

Tỷ lệ từ 50% trở lên: **10 điểm**; Tỷ lệ từ 40% đến dưới 50%: **06 điểm**; Tỷ lệ từ 30 đến dưới 40%: **06 điểm**; Tỷ lệ dưới 30%: **05 điểm**.

Điểm thưởng: Thưởng **05 điểm** cho cơ quan, đơn vị, địa phương có tỷ lệ khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho công chức, viên chức, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) trên 60 %.

6. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng (05 điểm)

Không có phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo: **05 điểm**; Có nhưng giải quyết kịp thời, đúng quy định, không phát sinh vượt cấp: **04 điểm**; Có nhưng không giải quyết kịp thời, để phát sinh vượt cấp hoặc có đơn thư do cơ quan có thẩm quyền chuyên nhưng không xử lý: **0 điểm**.

7. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng (05 điểm)

Tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng do tỉnh tổ chức:

05 điểm; không tham gia: 0 điểm.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 6 tháng, năm và các văn bản khác về công tác thi đua, khen thưởng (05 điểm)

Ban hành các văn bản đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định: **10 điểm**, cứ thiếu hoặc chậm 01 văn bản thì trừ **01 điểm**.

III. NGUYÊN TẮC, QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế tổ chức hoạt động của Cụm thi đua số 6, các văn bản quy định khác có liên quan của cấp có thẩm quyền.

IV. ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM TRỪ

Thực hiện theo quy định này và Quy chế tổ chức hoạt động của Cụm thi đua số 6, các văn bản quy định khác có liên quan của cấp có thẩm quyền.

(Có bảng tiêu chí và thang điểm thi đua năm 2026 kèm theo)

Đề nghị các thành viên trong Cụm thi đua số 6 phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, trường hợp nếu có khó khăn, vướng mắc, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, đề nghị các xã kịp thời có ý kiến bằng văn bản gửi về đơn vị Cụm trưởng để tiếp thu, chỉnh sửa kịp thời, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại các xã thuộc Cụm thi đua số 6./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- HĐTĐKT tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- TT Đảng uỷ xã Ba Tơ;
- TT HĐND xã Ba Tơ;
- UBND và Phòng VH-XH các xã: Ba Vì, Ba Xa, Ba, Ba Dinh, Ba Tơ, Ba Động, Ba Vinh, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Nghiêm, Khánh Cường;
- Lưu: VT, HĐTĐKT.

**TM. CỤM THI ĐUA
CỤM TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH UBND XÃ BA TƠ
Đinh Trọng Thành**